

**MỘT SỐ MỨC XỬ PHẠT HÀNH CHÍNH ĐỐI VỚI NGƯỜI ĐIỀU KHIỂN XE VI PHẠM
QUY TẮC GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ**

*(Ban hành kèm theo Công văn số /CV-HĐ ngày tháng năm 2025 của
Hội đồng phối hợp, phổ biến giáo dục pháp luật Thành phố)*

**1. MỘT SỐ MỨC XỬ PHẠT HÀNH CHÍNH ĐỐI VỚI NGƯỜI ĐIỀU KHIỂN XE THAM GIA GIAO THÔNG
ĐƯỜNG BỘ VI PHẠM NỒNG ĐỘ CỒN, MA TÚY**

(Theo Nghị định số 168/2024/NĐ-CP ngày 26/12/2024 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về trật tự, an toàn giao thông trong lĩnh vực giao thông đường bộ; trừ điểm, phục hồi điểm giấy phép lái xe, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2025)

STT	Hành vi vi phạm	Mức phạt đối với người điều khiển xe ô tô	Mức phạt đối với người điều khiển xe mô tô, xe gắn máy	Mức phạt đối với người điều khiển xe đạp, xe đạp máy	Căn cứ pháp lý
I. Vi phạm quy định về nồng độ cồn					
1	Điều khiển xe trên đường mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn nhưng chưa vượt quá 50 miligam/100 mililit máu hoặc chưa vượt quá 0,25 miligam/1 lít khí thở;	Phạt tiền từ 6.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng và trừ điểm giấy phép lái xe 04 điểm	Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng và trừ điểm giấy phép lái xe 04 điểm	Phạt tiền từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng	Điểm c khoản 6, điểm b khoản 16 Điều 6; điểm a khoản 6, điểm b khoản 13 Điều 7; điểm p khoản 1 Điều 9 Nghị định 168/2024/NĐ-CP ngày 26/12/2024
2	Điều khiển xe trên đường mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn vượt quá 50 miligam đến 80 miligam/100 mililit máu hoặc vượt quá 0,25 miligam đến 0,4 miligam/1 lít khí thở	Phạt tiền từ 18.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng và trừ điểm giấy phép lái xe 10 điểm	Phạt tiền từ 6.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng và trừ điểm giấy phép lái xe 10 điểm	Phạt tiền từ 300.000 đồng đến 400.000 đồng	Điểm a khoản 9, điểm d khoản 16 Điều 6; điểm b khoản 8, điểm d khoản 13 Điều 7; điểm d khoản 3 Điều 9 Nghị định số 168/2024/NĐ-CP ngày 26/12/2024

3	Điều khiển xe trên đường mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn vượt quá 80 miligam/100 mililit máu hoặc vượt quá 0,4 miligam/1 lít khí thở	Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng và tước quyền sử dụng giấy phép lái xe từ 22 tháng đến 24 tháng	Phạt tiền từ 8.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng và tước quyền sử dụng giấy phép lái xe từ 22 tháng đến 24 tháng	Phạt tiền từ 400.000 đồng đến 600.000 đồng	Điểm a khoản 11, điểm c khoản 15 Điều 6; điểm d khoản 9, điểm c khoản 12 Điều 7; điểm b khoản 4 Điều 9 Nghị định số 168/2024/NĐ-CP ngày 26/12/2024
4	Không chấp hành yêu cầu kiểm tra về nồng độ cồn của người thi hành công vụ	Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng và tước quyền sử dụng giấy phép lái xe từ 22 tháng đến 24 tháng	Phạt tiền từ 8.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng và tước quyền sử dụng giấy phép lái xe từ 22 tháng đến 24 tháng	Phạt tiền từ 400.000 đồng đến 600.000 đồng	điểm b khoản 11, điểm c khoản 15 Điều 6 và điểm d khoản 9, điểm c khoản 12 Điều 7 và điểm c khoản 4 Điều 9 Nghị định số 168/2024/NĐ-CP ngày 26/12/2024

II. Vi phạm quy định về chất ma túy

1	Điều khiển xe trên đường mà trong cơ thể có chất ma túy hoặc chất kích thích khác mà pháp luật cấm sử dụng.	Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng và tước quyền sử dụng giấy phép lái xe từ 22 tháng đến 24 tháng	Phạt tiền từ 8.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng và tước quyền sử dụng giấy phép lái xe từ 22 tháng đến 24 tháng		Điểm c khoản 11, điểm c khoản 15 Điều 6; điểm e khoản 9, điểm c khoản 12 Điều 7 Nghị định 168/2024/NĐ-CP ngày 26/12/2024
2	Không chấp hành yêu cầu kiểm tra về chất ma túy hoặc chất kích thích khác mà pháp	Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng và tước quyền sử dụng	Phạt tiền từ 8.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng và tước quyền sử dụng		Điểm d khoản 11, điểm c khoản 15 Điều 6; điểm g khoản 9, điểm c khoản 12 Điều 7 Nghị định số

	luật cấm sử dụng của người thi hành công vụ.	giấy phép lái xe từ 22 tháng đến 24 tháng	giấy phép lái xe từ 22 tháng đến 24 tháng		168/2024/NĐ-CP ngày 26/12/2024
--	---	--	--	--	-----------------------------------

2. MỘT SỐ MỨC XỬ PHẠT HÀNH CHÍNH ĐỐI VỚI NGƯỜI ĐIỀU KHIỂN XE Ô TÔ VÀ CÁC LOẠI XE TƯƠNG TỰ Ô TÔ VI PHẠM TRÊN ĐƯỜNG CAO TỐC

(Theo Nghị định số 168/2024/NĐ-CP ngày 26/12/2024 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về trật tự, an toàn giao thông trong lĩnh vực giao thông đường bộ; trừ điểm, phục hồi điểm giấy phép lái xe, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2025)

STT	Hành vi vi phạm	Mức phạt	Căn cứ pháp lý
1	Không tuân thủ các quy định khi vào hoặc ra đường cao tốc.	Phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng và trừ điểm giấy phép lái xe 02 điểm Trường hợp gây tai nạn giao thông thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 22.000.000 đồng	Điểm d khoản 5, điểm b khoản 10 và điểm a khoản 16 Điều 6 Nghị định số 168/2024/NĐ-CP ngày 26/12/2024
2	Điều khiển xe chạy ở làn dừng xe khẩn cấp hoặc phần lề đường của đường cao tốc.	Phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng và trừ điểm giấy phép lái xe 02 điểm Trường hợp gây tai nạn giao thông thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 22.000.000 đồng	Điểm d khoản 5, điểm b khoản 10 và điểm a khoản 16 Điều 6 Nghị định số 168/2024/NĐ-CP ngày 26/12/2024
3	Không tuân thủ quy định về khoảng cách an toàn đối với xe chạy liền trước khi chạy trên đường cao tốc.	Phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng và trừ điểm giấy phép lái xe 02 điểm Trường hợp gây tai nạn giao thông thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 22.000.000 đồng	Điểm d khoản 5, điểm b khoản 10 và điểm a khoản 16 Điều 6 Nghị định số 168/2024/NĐ-CP ngày 26/12/2024
4	Chuyển làn đường không đúng nơi cho phép hoặc không có tín hiệu báo trước hoặc chuyển làn đường không đúng quy định “mỗi lần chuyển làn đường chỉ được phép chuyển	Phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng và trừ điểm giấy phép lái xe 02 điểm Trường hợp gây tai nạn giao thông thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 22.000.000 đồng	Điểm g khoản 5, điểm a khoản 10 và điểm a khoản 16 Điều 6 Nghị định số 168/2024/NĐ-CP ngày 26/12/2024

	sang một làn đường liền kề” khi chạy trên đường cao tốc.		
5	Dừng xe, đỗ xe trên đường cao tốc không đúng nơi quy định;	Phạt tiền từ 12.000.000 đồng đến 14.000.000 đồng và trừ điểm giấy phép lái xe 06 điểm Trường hợp gây tai nạn giao thông thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 22.000.000 đồng	Điểm c khoản 7, điểm a khoản 10 và điểm c khoản 16 Điều 6 Nghị định số 168/2024/NĐ-CP ngày 26/12/2024
6	Không có báo hiệu bằng đèn khẩn cấp khi gặp sự cố kỹ thuật hoặc bất khả kháng khác buộc phải dừng xe, đỗ xe ở làn dừng xe khẩn cấp trên đường cao tốc	Phạt tiền từ 12.000.000 đồng đến 14.000.000 đồng và trừ điểm giấy phép lái xe 06 điểm	Điểm c khoản 7 và điểm c khoản 16 Điều 6 Nghị định số 168/2024/NĐ-CP ngày 26/12/2024
7	Điều khiển xe đi ngược chiều trên đường cao tốc	Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng và trừ điểm giấy phép lái xe 10 điểm	Điểm đ khoản 11 và điểm d khoản 16 Điều 6 Nghị định số 168/2024/NĐ-CP ngày 26/12/2024
8	Lùi xe trên đường cao tốc	Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng và trừ điểm giấy phép lái xe 10 điểm	Điểm đ khoản 11 và điểm d khoản 16 Điều 6 Nghị định số 168/2024/NĐ-CP ngày 26/12/2024
9	Quay đầu xe trên đường cao tốc	Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng và trừ điểm giấy phép lái xe 10 điểm	Điểm đ khoản 11 và điểm d khoản 16 Điều 6 Nghị định số 168/2024/NĐ-CP ngày 26/12/2024

3. MỘT SỐ MỨC XỬ PHẠT CHÍNH HÀNH ĐỐI VỚI NGƯỜI ĐIỀU KHIỂN XE Ô TÔ, XE MÔ TÔ, XE GẮN MÁY VI PHẠM QUY TẮC GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ

(Theo Nghị định số 168/2024/NĐ-CP ngày 26/12/2024 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về trật tự, an toàn giao thông trong lĩnh vực giao thông đường bộ; trừ điểm, phục hồi điểm giấy phép lái xe, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2025)

Nhóm hành vi	Hành vi vi phạm	Mức phạt đối với người điều khiển xe ô tô	Mức phạt đối với người điều khiển xe mô tô, xe gắn máy	Căn cứ pháp lý
1. Không chấp hành hiệu lệnh	Không chấp hành hiệu lệnh, chỉ dẫn của biển báo hiệu, vạch kẻ đường	Phạt tiền từ 400.000 đồng đến 600.000 đồng . Trường hợp gây tai nạn giao thông thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 22.000.000 đồng	Phạt tiền từ 200.000 đồng đến 400.000 đồng Trường hợp gây tai nạn giao thông thì bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 14.000.000 đồng	- Ô tô: Điểm a khoản 1, điểm b khoản 10 Điều 6 Nghị định số 168/2024/NĐ-CP ngày 26/12/2024 - Xe mô tô, xe gắn máy: Điểm a khoản 1, điểm b khoản 10 Điều 7 Nghị định số 168/2024/NĐ-CP ngày 26/12/2024
	Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông	Phạt tiền từ 18.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng và trừ điểm giấy phép lái xe 04 điểm; Trường hợp gây tai nạn giao thông thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 22.000.000 đồng	Phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng và trừ điểm giấy phép lái xe 04 điểm; Trường hợp gây tai nạn giao thông thì bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 14.000.000 đồng	- Ô tô: Điểm b khoản 9, điểm b khoản 10 và điểm b khoản 16 Điều 6 Nghị định số 168/2024/NĐ-CP ngày 26/12/2024 - Xe mô tô, xe gắn máy: Điểm c khoản 7, điểm b khoản 10 và điểm b khoản 13 Điều 7 Nghị định số 168/2024/NĐ-CP ngày 26/12/2024

	Không chấp hành hiệu lệnh, hướng dẫn của người điều khiển giao thông hoặc người kiểm soát giao thông	Phạt tiền từ 18.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng và trừ điểm giấy phép lái xe 04 điểm; Trường hợp gây tai nạn giao thông thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 22.000.000 đồng	Phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng và trừ điểm giấy phép lái xe 04 điểm; Trường hợp gây tai nạn giao thông thì bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 14.000.000 đồng	- Ô tô: điểm c khoản 9, điểm b khoản 10 và điểm b khoản 16 Điều 6 Nghị định số 168/2024/NĐ-CP ngày 26/12/2024 - Xe mô tô, xe gắn máy: điểm d khoản 7, điểm b khoản 10 và điểm b khoản 13 Điều 7 Nghị định số 168/2024/NĐ-CP ngày 26/12/2024
2. Đi không đúng phần đường hoặc làn đường quy định	Điều khiển xe không đi bên phải theo chiều đi của mình; đi không đúng phần đường hoặc làn đường quy định (làn cùng chiều hoặc làn ngược chiều)	Phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng và bị trừ điểm giấy phép 02 điểm Trường hợp gây tai nạn giao thông thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 22.000.000 đồng	Phạt tiền từ 600.000 đồng đến 800.000 đồng Trường hợp gây tai nạn giao thông thì bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 14.000.000 đồng	- Ô tô: Điểm b khoản 5, điểm a khoản 10 và điểm a khoản 16 Điều 6 Nghị định số 168/2024/NĐ-CP ngày 26/12/2024 - Xe mô tô, xe gắn máy: Điểm d khoản 3, điểm a khoản 10 Điều 7 Nghị định số 168/2024/NĐ-CP ngày 26/12/2024
3. Gây tai nạn giao thông mà không trợ giúp người bị nạn	Gây tai nạn giao thông không dừng ngay phương tiện, không giữ nguyên hiện trường, không trợ giúp người bị nạn, không ở lại hiện trường hoặc không đến trình báo ngay với cơ quan công an, Ủy ban nhân dân nơi gần nhất	Phạt tiền từ 16.000.000 đồng đến 18.000.000 đồng và trừ điểm giấy phép lái xe 06 điểm	Phạt tiền từ 8.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng và trừ điểm giấy phép lái xe 06 điểm	- Ô tô: Khoản 8 và điểm c khoản 16 Điều 6 Nghị định số 168/2024/NĐ-CP ngày 26/12/2024 - Xe mô tô, xe gắn máy: Điểm c khoản 9 và điểm c Khoản 13 Điều 7 Nghị định số 168/2024/NĐ-CP ngày 26/12/2024

4. Điều khiển xe đi trên vỉa hè	Điều khiển xe đi trên vỉa hè, trừ trường hợp điều khiển xe đi qua vỉa hè để vào nhà, cơ quan	Phạt tiền từ 6.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng và trừ điểm giấy phép lái xe 04 điểm	Phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng và trừ điểm giấy phép lái xe 02 điểm	- Ô tô: Điểm d khoản 6 và điểm b, khoản 16 Điều 6 Nghị định số 168/2024/NĐ-CP ngày 26/12/2024 - Xe mô tô, xe gắn máy: Điểm a khoản 7 và điểm a Khoản 13 Điều 7 Nghị định số 168/2024/NĐ-CP ngày 26/12/2024
5. Điều khiển xe dùng tay cầm và sử dụng điện thoại	Dùng tay cầm và sử dụng điện thoại hoặc các thiết bị điện tử khác	Phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng và trừ điểm giấy phép lái xe 04 điểm. Trường hợp gây tai nạn giao thông thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 22.000.000 đồng	Phạt tiền từ 800.000 đồng đến 1.000.000 đồng và trừ điểm giấy phép lái xe 04 điểm. Trường hợp gây tai nạn giao thông thì bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 14.000.000 đồng	- Ô tô: Điểm h khoản 5 Điều 6; điểm b khoản 16 và điểm b khoản 10 Điều 6 - Xe mô tô, xe gắn máy: Điểm đ khoản 4; điểm b khoản 13 và điểm b khoản 10 Điều 7 Nghị định số 168/2024/NĐ-CP ngày 26/12/2024
6. Mở cửa xe	Mở cửa xe, để cửa xe mở không bảo đảm an toàn.	Phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng Trường hợp gây tai nạn giao thông phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 22.000.000 đồng		Điểm q khoản 5, điểm b, khoản 10 Điều 6 Nghị định số 168/2024/NĐ-CP ngày 26/12/2024
	Sử dụng còi trong thời gian từ 22 giờ ngày hôm trước đến 05 giờ ngày hôm sau trong khu đông dân cư, khu vực cơ	Phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng Trường hợp gây tai nạn giao thông phạt tiền từ	Phạt tiền từ 200.000 đồng đến 400.000 đồng Trường hợp gây tai nạn giao thông phạt tiền từ	- Ô tô: Điểm đ khoản 1 Điều 6; điểm b khoản 10 Điều 6 - Xe mô tô, xe gắn máy: Điểm i khoản 1; điểm b

7. Sử dụng còi xe	sở khám bệnh, chữa bệnh, trừ các xe ưu tiên đang đi làm nhiệm vụ theo quy định	20.000.000 đồng đến 22.000.000 đồng	10.000.000 đồng đến 14.000.000 đồng	khoản 10 Điều 7 Nghị định số 168/2024/NĐ-CP ngày 26/12/2024
	Sử dụng còi, rú ga liên tục	Phạt tiền từ 800.000 đồng đến 1.000.000 đồng Trường hợp gây tai nạn giao thông phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 22.000.000 đồng		Điểm b khoản 3 Điều 6; điểm b khoản 10 Điều 6 Nghị định số 168/2024/NĐ-CP ngày 26/12/2024
	Sử dụng còi, rú ga (net pô) liên tục trong khu đông dân cư, khu vực cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, trừ các xe ưu tiên đang đi làm nhiệm vụ theo quy định		Phạt tiền từ 8.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng; bị tước quyền sử dụng giấy phép lái xe từ 10 tháng đến 12 tháng; Trường hợp gây tai nạn giao thông phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 14.000.000 đồng;	Điểm k khoản 9; điểm b khoản 10 và điểm b khoản 12 Điều 7 Nghị định số 168/2024/NĐ-CP ngày 26/12/2024
	Điều khiển xe chạy quá tốc độ quy định từ 05 km/h đến dưới 10 km/h	Phạt tiền từ 800.000 đồng đến 1.000.000 đồng	Phạt tiền từ 400.000 đồng đến 600.000 đồng	- Ô tô: điểm a khoản 3 Điều 6 Nghị định số 168/2024/NĐ-CP - Xe mô tô, xe gắn máy: điểm b khoản 2 Điều 7 Nghị định số 168/2024/NĐ-CP
	Điều khiển xe chạy quá tốc độ quy định từ 10 km/h đến 20 km/h	Phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng và trừ điểm giấy phép lái xe 02 điểm;	Phạt tiền từ 800.000 đồng đến 1.000.000 đồng;	- Ô tô: điểm đ khoản 5; điểm a khoản 16 Điều 6 Nghị định số 168/2024/NĐ-CP - Xe mô tô, xe gắn máy: điểm a khoản 4 Điều 7

8. Vi phạm về tốc độ				Nghị định số 168/2024/NĐ-CP
	Điều khiển xe chạy quá tốc độ quy định từ 20 km/h đến 35 km/h	Phạt tiền từ 6.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng và trừ điểm giấy phép lái xe 04 điểm;		Điểm a khoản 6; điểm b khoản 16 Điều 6 Nghị định số 168/2024/NĐ-CP
	Điều khiển xe chạy quá tốc độ quy định trên 20 km/h		Phạt tiền từ 6.000.000 đồng đến 8.000.000; đồng và trừ điểm giấy phép lái xe 04 điểm;	Điểm a khoản 8; điểm b khoản 13 Điều 7 Nghị định số 168/2024/NĐ-CP
	Điều khiển xe chạy quá tốc độ quy định trên 35 km/h	Phạt tiền từ 12.000.000 đồng đến 14.000.000 đồng và trừ điểm giấy phép lái xe 06 điểm		Điểm a khoản 7; điểm c khoản 16 Điều 6 Nghị định số 168/2024/NĐ-CP
	Điều khiển xe chạy quá tốc độ quy định gây tai nạn giao thông	Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 22.000.000 đồng	Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 14.000.000 đồng	Ô tô: điểm a khoản 10 Điều 6 Nghị định số 168/2024/NĐ-CP. Xe mô tô, xe gắn máy: điểm a khoản 10 Điều 7 Nghị định số 168/2024/NĐ-CP
9. Không thắt dây đai an toàn	Không thắt dây đai an toàn khi điều khiển xe chạy trên đường	Phạt tiền từ 800.000 đồng đến 1.000.000 đồng		Điểm k khoản 3 Điều 6 Nghị định số 168/2024/NĐ-CP
	Chở người trên xe ô tô không thắt dây đai an toàn (tại vị trí có trang bị dây đai an toàn) khi xe đang chạy	Phạt tiền từ 800.000 đồng đến 1.000.000 đồng		Điểm l khoản 3 Điều 6 Nghị định số 168/2024/NĐ-CP
	Khi ra, vào vị trí dừng xe, đỗ xe không có tín hiệu báo cho người điều khiển phương tiện khác biết	Phạt tiền từ 400.000 đồng đến 600.000 đồng; Trường hợp gây tai nạn giao thông phạt tiền từ		Điểm b khoản 1 và điểm b khoản 10 Điều 6 Nghị định số 168/2024/NĐ-CP

10. Dừng xe, đỗ xe không đúng quy định		20.000.000 đồng đến 22.000.000 đồng		
	Dừng xe, đỗ xe trên phần đường xe chạy ở đoạn đường ngoài đô thị nơi có lề đường rộng; dừng xe, đỗ xe không sát mép đường phía bên phải theo chiều đi ở nơi đường có lề đường hẹp hoặc không có lề đường; dừng xe, đỗ xe ngược với chiều lưu thông của làn đường; dừng xe, đỗ xe trên dải phân cách cố định ở giữa hai phần đường xe chạy; đỗ xe trên dốc không chèn bánh	Phạt tiền từ 600.000 đồng đến 800.000 đồng.		Điểm d khoản 2 Điều 6 Nghị định số 168/2024/NĐ-CP
	Dừng xe không sát theo lề đường, vỉa hè phía bên phải theo chiều đi hoặc bánh xe gần nhất cách lề đường, vỉa hè quá 0,25 mét; dừng xe trên đường dành riêng cho xe buýt; dừng xe trên miệng cống thoát nước, miệng hầm của đường điện thoại, điện cao thế, chỗ dành riêng cho xe chữa cháy lấy nước; rời vị trí lái, tắt máy khi dừng xe (trừ trường hợp rời khỏi vị trí lái để đóng, mở cửa xe, xếp dỡ hàng hóa, kiểm tra kỹ thuật xe) hoặc rời vị trí lái khi dừng xe nhưng không sử dụng phanh đỗ xe (hoặc thực hiện biện pháp an toàn khác); dừng xe, đỗ xe không đúng vị trí quy định ở những đoạn có bố trí nơi dừng xe, đỗ xe; dừng xe, đỗ xe trên phần đường dành	Phạt tiền từ 600.000 đồng đến 800.000 đồng.		Điểm đ khoản 2 Điều 6 Nghị định số 168/2024/NĐ-CP

	cho người đi bộ qua đường; dừng xe nơi có biển “Cấm dừng xe và đỗ xe”, trừ hành vi vi phạm dừng xe trong hầm đường bộ hoặc dừng xe trên đường cao tốc			
	Không tuân thủ các quy định về dừng xe, đỗ xe tại nơi đường bộ giao nhau cùng mức với đường sắt	Phạt tiền từ 800.000 đồng đến 1.000.000 đồng.	Phạt tiền từ 400.000 đồng đến 600.000 đồng.	- Ô tô: Điểm d khoản 3 Điều 6 Nghị định số 168/2024/NĐ-CP - Xe mô tô, xe gắn máy: Điểm e khoản 2 Điều 7 Nghị định số 168/2024/NĐ-CP
	Dừng xe, đỗ xe tại vị trí: nơi đường bộ giao nhau hoặc trong phạm vi 05 mét tính từ mép đường giao nhau; điểm đón, trả khách; trước cổng hoặc trong phạm vi 05 mét hai bên cổng trụ sở cơ quan, tổ chức có bố trí đường cho xe ra, vào; nơi phần đường có bề rộng chỉ đủ cho một làn xe cơ giới; che khuất biển báo hiệu đường bộ, đèn tín hiệu giao thông; nơi mở dải phân cách giữa; cách xe ô tô đang đỗ ngược chiều dưới 20 mét trên đường phố hẹp, dưới 40 mét trên đường có một làn xe cơ giới trên một chiều đường	Phạt tiền từ 800.000 đồng đến 1.000.000 đồng.		Điểm đ khoản 3 Điều 6 Nghị định số 168/2024/NĐ-CP
	Đỗ xe không sát theo lề đường, vỉa hè phía bên phải theo chiều đi hoặc bánh xe gần nhất cách lề đường, vỉa hè quá 0,25 mét; đỗ xe trên đường dành riêng cho xe buýt; đỗ xe trên miệng cống	Phạt tiền từ 800.000 đồng đến 1.000.000 đồng.		Điểm e khoản 3 Điều 6 Nghị định số 168/2024/NĐ-CP

	thoát nước, miệng hầm của đường điện thoại, điện cao thế, chỗ dành riêng cho xe chữa cháy lấy nước; đỗ, để xe ở vỉa hè trái quy định của pháp luật; đỗ xe nơi có biển “Cấm đỗ xe” hoặc biển “Cấm dừng xe và đỗ xe” trừ hành vi vi phạm đỗ xe trong hầm đường bộ hoặc đỗ xe trên đường cao tốc.			
	Dừng xe, đỗ xe tại vị trí: bên trái đường một chiều hoặc bên trái (theo hướng lưu thông) của đường đôi; trên đoạn đường cong hoặc gần đầu dốc nơi tầm nhìn bị che khuất; trên cầu (trừ trường hợp tổ chức giao thông cho phép), gầm cầu vượt (trừ những nơi cho phép dừng xe, đỗ xe), song song với một xe khác đang dừng, đỗ trừ hành vi vi phạm dừng xe, đỗ xe trên đường cao tốc.	Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng và trừ 02 điểm giấy phép lái xe.		Điểm b khoản 4; điểm a khoản 16 Điều 6 Nghị định số 168/2024/NĐ-CP
	Dừng xe, đỗ xe trong hầm đường bộ không đúng nơi quy định	Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng và trừ 02 điểm giấy phép lái xe.	Phạt tiền từ 800.000 đồng đến 1.000.000 đồng.	- Ô tô: điểm đ khoản 4; điểm a khoản 16 Điều 6 Nghị định số 168/2024/NĐ-CP - Xe mô tô, xe gắn máy: Điểm b khoản 4 Điều 7 Nghị định số 168/2024/NĐ-CP

Dừng xe, đỗ xe trái quy định gây ùn tắc giao thông	Phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng và trừ 02 điểm giấy phép lái xe.		Điểm k khoản 5; điểm a khoản 16 Điều 6 Nghị định số 168/2024/NĐ-CP
Dừng xe, đỗ xe trên phần đường xe chạy ở đoạn đường ngoài đô thị nơi có lề đường		Phạt tiền từ 400.000 đồng đến 600.000 đồng.	Điểm a khoản 2 Điều 7 Nghị định số 168/2024/NĐ-CP
Dừng xe, đỗ xe ở lòng đường gây cản trở giao thông; tụ tập từ 03 xe trở lên ở lòng đường, trong hầm đường bộ; đỗ, để xe ở lòng đường, vỉa hè trái phép		Phạt tiền từ 400.000 đồng đến 600.000 đồng.	Điểm d khoản 2 Điều 7 Nghị định số 168/2024/NĐ-CP
Dừng xe, đỗ xe trên điểm đón, trả khách, nơi đường bộ giao nhau, trên phần đường dành cho người đi bộ qua đường; dừng xe nơi có biển “Cấm dừng xe và đỗ xe”; đỗ xe tại nơi có biển “Cấm đỗ xe” hoặc biển “Cấm dừng xe và đỗ xe”; dừng xe, đỗ xe trong phạm vi hành lang an toàn giao thông đường sắt		Phạt tiền từ 400.000 đồng đến 600.000 đồng.	Điểm e khoản 2 Điều 7 Nghị định số 168/2024/NĐ-CP
Dừng xe, đỗ xe trên cầu		Phạt tiền từ 600.000 đồng đến 800.000 đồng.	Điểm c khoản 3 Điều 7 Nghị định số 168/2024/NĐ-CP
Dừng xe, đỗ xe không đúng quy định gây tai nạn giao thông	Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 22.000.000 đồng	Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 14.000.000 đồng	- Ô tô: điểm a khoản 10 Điều 6 Nghị định số 168/2024/NĐ-CP. - Xe mô tô, xe gắn máy: điểm a khoản 10 Điều 7

				Nghị định số 168/2024/NĐ-CP
11. Lùi xe không đúng quy định	Lùi xe trong hầm đường bộ	Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng và trừ điểm giấy phép lái xe 02 điểm		Điểm đ khoản 4 và điểm a khoản 16 Điều 6 Nghị định số 168/2024/NĐ-CP
	Lùi xe ở đường một chiều, đường có biển “Cấm đi ngược chiều”, khu vực cấm dừng, trên phần đường dành cho người đi bộ qua đường, nơi đường bộ giao nhau, nơi đường bộ giao nhau cùng mức với đường sắt, nơi tầm nhìn bị che khuất; lùi xe không quan sát hai bên, phía sau xe hoặc không có tín hiệu lùi xe, trừ hành vi vi phạm lùi xe trên đường cao tốc	Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng		Điểm e khoản 4 và điểm a khoản 10 Điều 6 Nghị định số 168/2024/NĐ-CP
	Lùi xe không đúng quy gây tai nạn giao thông	Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 22.000.000 đồng	Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 14.000.000 đồng	- Ô tô: điểm a khoản 10 Điều 6 Nghị định số 168/2024/NĐ-CP. - Xe mô tô, xe gắn máy: điểm a khoản 10 Điều 7 Nghị định số 168/2024/NĐ-CP
	Quay đầu xe trong hầm đường bộ	Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng và trừ điểm giấy phép lái xe 02 điểm		Điểm đ khoản 4; điểm a khoản 16 Điều 6 Nghị định số 168/2024/NĐ-CP
	Quay đầu xe ở phần đường dành cho người đi bộ qua đường, trên cầu, đầu cầu, gầm cầu vượt, ngầm, tại nơi đường bộ giao nhau cùng mức với	Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng.		Điểm i khoản 4 Điều 6 Nghị định số 168/2024/NĐ-CP

12. Quay đầu xe không đúng quy định	đường sắt, đường hẹp, đường dốc, đoạn đường cong tầm nhìn bị che khuất, trên đường một chiều, trừ khi có hiệu lệnh của người điều khiển giao thông hoặc chỉ dẫn của biển báo hiệu tạm thời hoặc tổ chức giao thông tại những khu vực này có bố trí nơi quay đầu xe			
	Quay đầu xe tại nơi có biển báo hiệu có nội dung cấm quay đầu đối với loại phương tiện đang điều khiển	Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng.		Điểm k khoản 4 Điều 6 Nghị định số 168/2024/NĐ-CP
	Quay đầu xe trái quy định gây ùn tắc giao thông	Phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng và trừ 02 điểm giấy phép lái xe;		Điểm k khoản 5; điểm a khoản 16 Điều 6 Nghị định số 168/2024/NĐ-CP
	Quay đầu xe tại nơi không được quay đầu xe trừ hành vi vi phạm quay đầu xe trong hầm đường bộ		Phạt tiền từ 400.000 đồng đến 600.000 đồng.	Điểm k khoản 2 Điều 7 Nghị định số 168/2024/NĐ-CP
	Quay đầu xe không đúng quy định gây tai nạn giao thông	Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 22.000.000 đồng	Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 14.000.000 đồng	- Ô tô: điểm a khoản 10 Điều 6 Nghị định số 168/2024/NĐ-CP. - Xe mô tô, xe gắn máy: điểm a khoản 10 Điều 7 Nghị định số 168/2024/NĐ-CP
13. Đi ngược chiều	Đi ngược chiều của đường một chiều, đi ngược chiều trên đường có biển "Cấm đi ngược chiều" trừ hành vi vi	Phạt tiền từ 18.000.000 đồng đến 20.000.000		Điểm d khoản 9; điểm b khoản 10 và điểm b khoản 16 Điều 6 Nghị

	phạm trên đường cao tốc hoặc trường hợp xe ưu tiên đang đi làm nhiệm vụ khẩn cấp theo quy định	đồng và trừ điểm giấy phép lái xe 04 điểm Trường hợp gây tai nạn giao thông bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 22.000.000 đồng		định số 168/2024/NĐ-CP
14. Không đội mũ bảo hiểm	Không đội “mũ bảo hiểm cho người đi mô tô, xe máy” hoặc đội “mũ bảo hiểm cho người đi mô tô, xe máy” không cài quai đúng quy cách khi điều khiển xe tham gia giao thông trên đường bộ		Phạt tiền từ 400.000 đồng đến 600.000 đồng	Điểm h khoản 2 Điều 7 Nghị định số 168/2024/NĐ-CP
	Chở người ngồi trên xe không đội “mũ bảo hiểm cho người đi mô tô, xe máy” hoặc đội “mũ bảo hiểm cho người đi mô tô, xe máy” không cài quai đúng quy cách, trừ trường hợp chở người bệnh đi cấp cứu, trẻ em dưới 06 tuổi, áp giải người có hành vi vi phạm pháp luật. <i>Lưu ý: Người được chở trên xe mô tô, xe gắn máy, các loại xe tương tự xe mô tô, các loại xe tương tự xe gắn máy</i> Không đội “mũ bảo hiểm cho người đi mô tô, xe máy” hoặc đội “mũ bảo hiểm cho người đi mô tô, xe máy” không cài quai đúng quy cách khi tham gia giao thông trên đường bộ bị phạt tiền từ 400.000 đồng đến 600.000 đồng.		Phạt tiền từ 400.000 đồng đến 600.000 đồng	Điểm i khoản 2 Điều 7 Nghị định số 168/2024/NĐ-CP; Điểm b khoản 5 Điều 7 Nghị định số 168/2024/NĐ-CP;

4. MỘT SỐ MỨC XỬ PHẠT HÀNH CHÍNH ĐỐI VỚI NGƯỜI ĐIỀU KHIỂN XE ĐẠP, XE ĐẠP MÁY VI PHẠM QUY TẮC GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ

(theo Nghị định số 168/2024/NĐ-CP ngày 26/12/2024 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về trật tự, an toàn giao thông trong lĩnh vực giao thông đường bộ; trừ điểm, phục hồi điểm giấy phép lái xe, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2025)

STT	Hành vi vi phạm	Mức phạt	Căn cứ pháp lý
1	Dừng xe đột ngột; chuyển hướng không báo hiệu trước;	Phạt tiền từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng	Điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 168/2024/NĐ-CP ngày 26/12/2024
2	Không chấp hành hiệu lệnh hoặc chỉ dẫn của biển báo hiệu, vạch kẻ đường	Phạt tiền từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng	Điểm c khoản 1 Điều 9 Nghị định số 168/2024/NĐ-CP ngày 26/12/2024
3	Đi dàn hàng ngang từ 03 xe trở lên	Phạt tiền từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng	Điểm g khoản 1 Điều 9 Nghị định số 168/2024/NĐ-CP ngày 26/12/2024
4	Sử dụng ô (dù), dùng tay cầm và sử dụng điện thoại hoặc các thiết bị điện tử khác	Phạt tiền từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng	Điểm h khoản 1 Điều 9 Nghị định số 168/2024/NĐ-CP ngày 26/12/2024
5	Chở người ngồi trên xe đạp, xe đạp máy sử dụng ô (dù)	Phạt tiền từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng	Điểm h khoản 1 Điều 9 Nghị định số 168/2024/NĐ-CP ngày 26/12/2024
6	Buông cả hai tay; dùng chân điều khiển xe đạp, xe đạp máy	Phạt tiền từ 150.000 đồng đến 250.000 đồng	Điểm a khoản 2 Điều 9 Nghị định số 168/2024/NĐ-CP ngày 26/12/2024
7	Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông	Phạt tiền từ 150.000 đồng đến 250.000 đồng	Điểm đ khoản 2 Điều 9 Nghị định số 168/2024/NĐ-CP ngày 26/12/2024

8	Điều khiển xe lạng lách, đánh võng; đuổỉ nhau trên đường	Phạt tiền từ 300.000 đồng đến 400.000 đồng	Điểm a khoản 3 Điều 9 Nghị định số 168/2024/NĐ-CP ngày 26/12/2024
9	Đi xe bằng một bánh đối với xe đạp, xe đạp máy	Phạt tiền từ 300.000 đồng đến 400.000 đồng	Điểm b khoản 3 Điều 9 Nghị định số 168/2024/NĐ-CP ngày 26/12/2024
10	Đi ngược chiều đường của đường một chiều, đường có biển “Cấm đi ngược chiều”	Phạt tiền từ 300.000 đồng đến 400.000 đồng	Điểm c khoản 3 Điều 9 Nghị định số 168/2024/NĐ-CP ngày 26/12/2024
11	Gây tai nạn giao thông không dừng ngay phương tiện, không trợ giúp người bị nạn	Phạt tiền từ 400.000 đồng đến 600.000 đồng	Điểm a khoản 4 Điều 9 Nghị định số 168/2024/NĐ-CP ngày 26/12/2024
12	Không đội “mũ bảo hiểm cho người đi mô tô, xe máy” hoặc đội “mũ bảo hiểm cho người đi mô tô, xe máy” không cài quai đúng quy cách	Phạt tiền từ 400.000 đồng đến 600.000 đồng	Điểm d khoản 4 Điều 9 Nghị định số 168/2024/NĐ-CP ngày 26/12/2024
13	Chở người ngồi trên xe đạp máy không đội “mũ bảo hiểm cho người đi mô tô, xe máy” hoặc đội “mũ bảo hiểm cho người đi mô tô, xe máy” không cài quai đúng quy cách	Phạt tiền từ 400.000 đồng đến 600.000 đồng	Điểm đ khoản 4 Điều 9 Nghị định số 168/2024/NĐ-CP ngày 26/12/2024
14	Đi vào đường cao tốc, trừ phương tiện phục vụ việc quản lý, bảo trì đường cao tốc	Phạt tiền từ 800.000 đồng đến 1.200.000 đồng	Khoản 5 Điều 9 Nghị định số 168/2024/NĐ-CP ngày 26/12/2024

5. MỘT SỐ MỨC XỬ PHẠT HÀNH CHÍNH ĐỐI VỚI NGƯỜI ĐI BỘ VI PHẠM QUY TẮC GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ
(theo Nghị định số 168/2024/NĐ-CP ngày 26/12/2024 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về trật tự, an toàn giao thông trong lĩnh vực giao thông đường bộ; trừ điểm, phục hồi điểm giấy phép lái xe, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2025)

STT	Hành vi vi phạm	Mức phạt	Căn cứ pháp lý
1	Không đi đúng phần đường quy định; vượt qua dải phân cách	Phạt tiền từ 150.000 đồng đến 250.000 đồng	Điểm a khoản 1 Điều 10 Nghị định số 168/2024/NĐ-CP ngày 26/12/2024
2	Đi qua đường không đúng nơi quy định	Phạt tiền từ 150.000 đồng đến 250.000 đồng	Điểm a khoản 1 Điều 10 Nghị định số 168/2024/NĐ-CP ngày 26/12/2024
3	Đi qua đường không có tín hiệu bằng tay theo quy định	Phạt tiền từ 150.000 đồng đến 250.000 đồng	Điểm a khoản 1 Điều 10 Nghị định số 168/2024/NĐ-CP ngày 26/12/2024
4	Không chấp hành hiệu lệnh hoặc chỉ dẫn của đèn tín hiệu, biển báo hiệu, vạch kẻ đường	Phạt tiền từ 150.000 đồng đến 250.000 đồng	Điểm b khoản 1 Điều 10 Nghị định số 168/2024/NĐ-CP ngày 26/12/2024
5	Đi vào đường cao tốc, trừ người phục vụ việc quản lý, bảo trì đường cao tốc	Phạt tiền từ 400.000 đồng đến 600.000 đồng	Điểm a khoản 2 Điều 10 Nghị định số 168/2024/NĐ-CP ngày 26/12/2024
6	Mang, vác vật cồng kềnh gây cản trở giao thông	Phạt tiền từ 400.000 đồng đến 600.000 đồng	Điểm b khoản 2 Điều 10 Nghị định số 168/2024/NĐ-CP ngày 26/12/2024
7	Đu, bám vào phương tiện giao thông đang chạy	Phạt tiền từ 400.000 đồng đến 600.000 đồng	Điểm c khoản 2 Điều 10 Nghị định số 168/2024/NĐ-CP ngày 26/12/2024